

XÂY DỰNG MÔ HÌNH QUẢN LÝ CLB TDTT TRONG SINH VIÊN Ở CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THÀNH VIÊN ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

ThS. Đàm Hùng Phi

Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Đà Nẵng

Tóm tắt: Bằng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy, đề tài khảo sát và cung cấp thông tin về mô hình quản lý câu lạc bộ TDTT trong sinh viên ở các cơ sở giáo dục đại học thành viên Đại học Đà Nẵng.

Từ khóa: Câu lạc bộ TDTT; giáo dục thể chất; Đại học Đà Nẵng.

Abstract: By regular scientific research methods, the topic investigates and provides information on the management of sports clubs in students at the higher education institutions of the University of Danang.

Keywords: Sports Club; physical education; Da Nang University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Hoạt động TDTT, công tác giáo dục thể chất (GDTC) trường học với nội dung đa dạng, phong phú và rất phức tạp, để truyền tải những nội dung môn học cho người học có hiệu quả, sử dụng các phương tiện GDTC tác động đến các đối tượng tập luyện nhằm đạt được mục đích của GDTC thì đòi hỏi người giảng dạy phải biết vận dụng, kết hợp nhiều phương pháp dựa trên những nguyên tắc đặc trưng của ngành nghề, hiểu biết rõ về sự biến đổi tâm sinh lý của từng lứa tuổi, từng giai đoạn,... Điều này cho thấy hoạt động của CLB TDTT trong sinh viên (SV) ở các cơ sở giáo dục đại học thành viên Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) có tính chất quyết định hiệu quả công tác GDTC tại các trường trong Đại học nói chung và Đà Nẵng nói riêng. Để đánh giá đúng thực trạng và có cơ sở lựa chọn các giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả công tác GDTC cho sinh viên Đại học Đà Nẵng, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: *“Xây dựng mô hình quản lý câu lạc bộ TDTT trong sinh viên ở các cơ sở giáo dục đại học thành viên Đại học Đà Nẵng”*.

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng các phương pháp sau: phương pháp tham khảo tài liệu, phỏng vấn và toán thống kê.

Khách thể tham gia khảo sát là 3.822 sinh viên thuộc Đại học Đà Nẵng.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

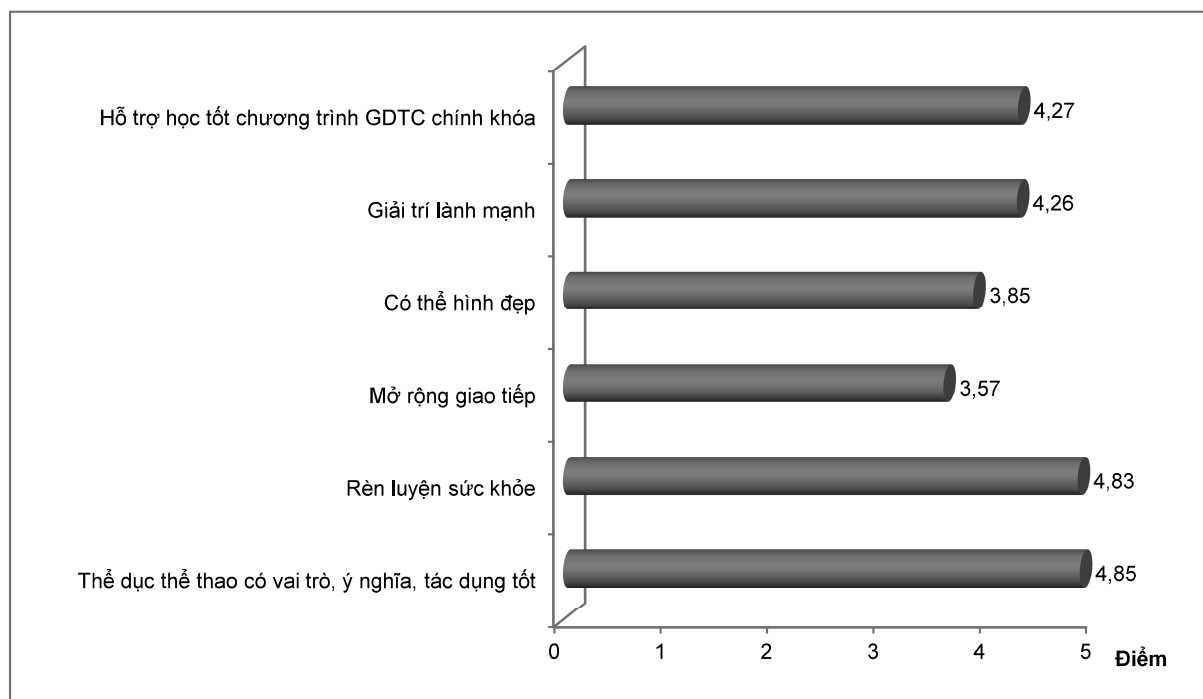
1. Cơ sở thực tiễn và nhu cầu của SV tham gia CLB TDTT

Để xây dựng mô hình và tổ chức hoạt động CLB TDTT trong SV ở các cơ sở giáo dục đại học thành viên ĐHĐN bài viết tiến hành khảo sát cơ sở thực tiễn 3.822 SV ĐHĐN về vai trò, ý nghĩa, tác dụng TDTT; những khó khăn, trở ngại khi tham gia tập luyện TDTT; môn thể thao SV lựa chọn và nhu cầu của SV về hình thức tổ chức hoạt động CLB TDTT thu được kết quả tại bảng 1, 2, 3 và 4.

Số liệu tại bảng 1 cho thấy: Về vai trò, ý nghĩa, tác dụng tích cực của TDTT được SV đánh giá trung bình là rất đồng ý (4,27 điểm); trong đó các mục hỏi TDTT có vai trò, ý nghĩa, tác dụng tốt; Rèn luyện sức khỏe; Hỗ trợ học tốt chương trình GDTC chính khóa và Giải trí lành mạnh được SV đánh giá mức rất đồng ý và các mục hỏi Có thể hình đẹp và Mở rộng giao tiếp được SV đánh giá ở mức đồng ý. Kết quả đánh giá của SV ĐHĐN về vai trò, ý nghĩa, tác dụng tích cực của TDTT được trình bày qua biểu đồ 1.

Bảng 1. Kết quả khảo sát SV ĐHĐN về vai trò, ý nghĩa, tác dụng TDTT

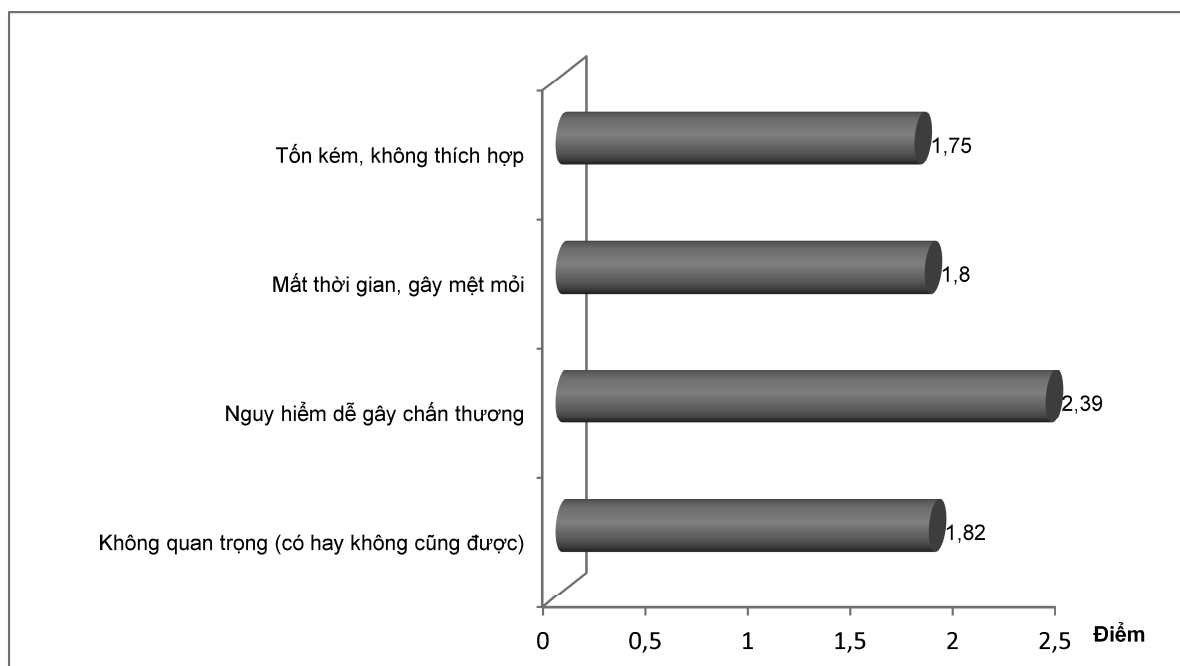
TT	Vai trò, ý nghĩa, tác dụng	Kết quả khảo sát	
		\bar{X}	S
	Tích cực	4,27	
1	TDTT có vai trò, ý nghĩa, tác dụng tốt	4,85	,355
2	Rèn luyện sức khỏe	4,83	,377
3	Mở rộng giao tiếp	3,57	,837
4	Có thể hình đẹp	3,85	,453
5	Giải trí lành mạnh	4,26	,616
6	Hỗ trợ học tốt chương trình GDTC chính khóa	4,27	,702
	Tiêu cực	1,94	
7	Không quan trọng (có hay không cũng được)	1,82	,756
8	Nguy hiểm dễ gây chấn thương	2,39	,710
9	Mất thời gian, gây mệt mỏi	1,80	,744
10	Tốn kém, không thích hợp	1,75	,686



Biểu đồ 1. Đánh giá của SV ĐHĐN về vai trò, ý nghĩa, tác dụng tích cực của TDTT

Về vai trò, ý nghĩa, tác dụng tiêu cực của TDTT được SV đánh giá trung bình là không đồng ý (1,94 điểm); trong đó mục hỏi Tốn kém, không thích hợp được đánh giá thấp nhất mức rất không đồng ý (1,75 điểm) và các mục hỏi

còn lại được SV đánh giá mức không đồng ý. Kết quả đánh giá của SV ĐHĐN về vai trò, ý nghĩa, tác dụng tiêu cực của TDTT được trình bày qua biểu đồ 2.



Biểu đồ 2. Đánh giá của SV ĐHĐN về vai trò, ý nghĩa, tác dụng tiêu cực của TDTT

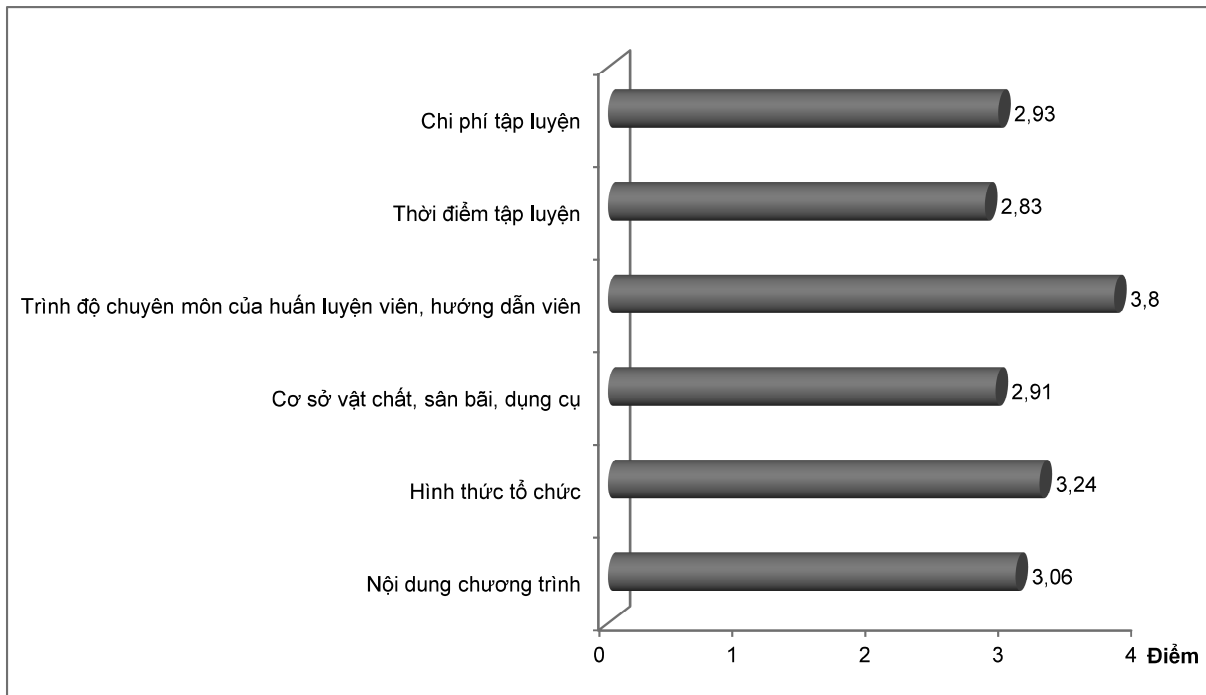
Bảng 2. Những khó khăn, trở ngại của SV ĐHĐN tham gia CLB TDTT

TT	Khó khăn, trở ngại	Kết quả khảo sát	
		\bar{X}	S
	Khó khăn, trở ngại khách quan	3,13	
1	Nội dung chương trình	3,06	,617
2	Hình thức tổ chức	3,24	,631
3	Cơ sở vật chất, sân bãi, dụng cụ	2,91	,642
4	Trình độ chuyên môn của huấn luyện viên, hướng dẫn viên	3,80	,666
5	Thời điểm tập luyện	2,83	,470
6	Chi phí tập luyện	2,93	,502
	Khó khăn, trở ngại chủ quan	3,04	
7	Không thích tham gia các hoạt động TDTT	3,27	,445
8	Không có năng khiếu TDTT	3,24	,458
9	Sợ đau hoặc sợ chấn thương	3,19	,488
10	Không có thời gian	2,16	,683
11	Không đủ sức khỏe	3,32	,571

Số liệu tại bảng 2 cho thấy:

Những khó khăn, trở ngại khách quan được SV đánh giá trung bình ở mức bình thường (3,13 điểm); trong đó mục hỏi Trình độ chuyên môn của huấn luyện viên, hướng dẫn viên được

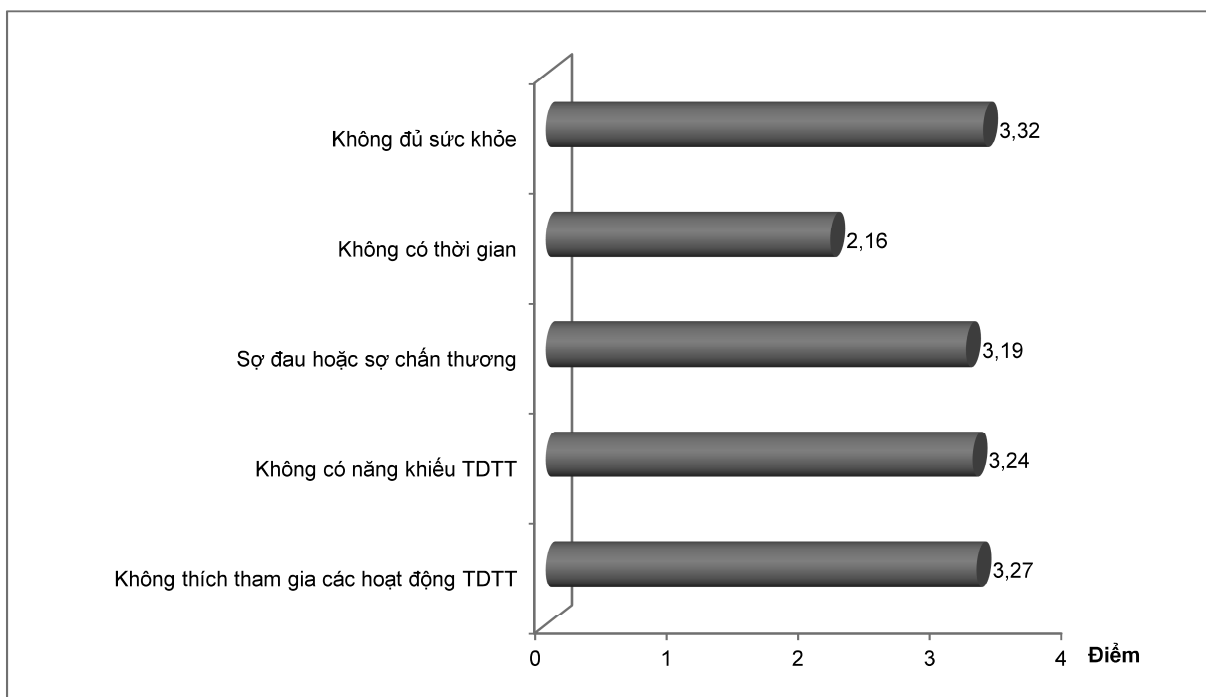
đánh giá cao nhất mức thuận lợi (3,80 điểm) và tất cả các mục hỏi còn lại đều được đánh giá ở mức bình thường. Kết quả đánh giá của SV ĐHĐN về Những khó khăn, trở ngại khách quan khi tham gia CLB TDTT được trình bày qua biểu đồ 3.



Biểu đồ 3. Đánh giá của SV ĐHĐN về Những khó khăn, trở ngại khách quan khi tham gia CLB TDTT

Những khó khăn, trở ngại chủ quan được SV đánh giá trung bình ở mức bình thường (3,04 điểm); trong đó mục hỏi Không có thời gian được đánh giá thấp nhất mức khó khăn (2,16 điểm) và tất cả các mục hỏi còn lại đều

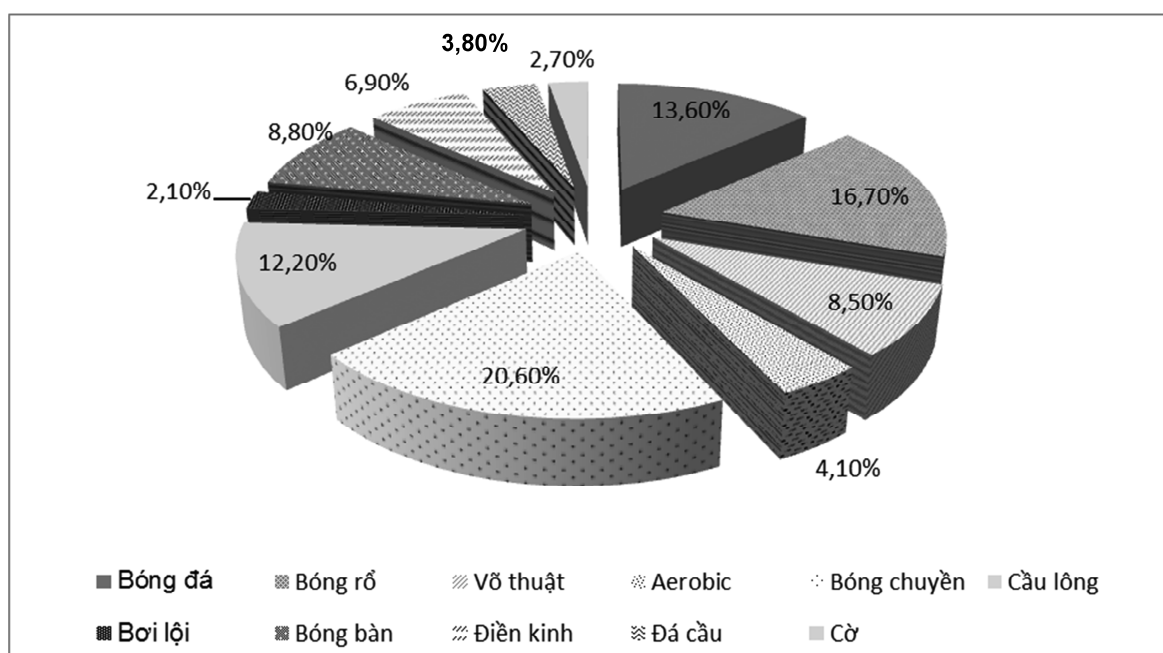
được đánh giá ở mức bình thường. Kết quả đánh giá của SV ĐHĐN về Những khó khăn, trở ngại chủ quan khi tham gia CLB TDTT được trình bày qua biểu đồ 4.



Biểu đồ 4. Đánh giá của SV ĐHĐN về Những khó khăn, trở ngại chủ quan khi tham gia CLB TDTT

Bảng 3. Môn thể thao sinh viên Đại học Đà Nẵng lựa chọn tham gia tập luyện

TT	Môn thể thao	Nam		Nữ		Tổng	
		Số lượng	Tỷ lệ % tổng	Số lượng	Tỷ lệ % tổng	Số lượng	Tỷ lệ % tổng
1	Bóng đá	412	10,8	108	2,8	520	13,6
2	Bóng rổ	473	12,4	167	4,4	640	16,7
3	Võ thuật	221	5,8	105	2,7	326	8,5
4	Aerobic	2	0,1	154	4,0	156	4,1
5	Bóng chuyền	440	11,5	348	9,1	788	20,6
6	Cầu lông	219	5,7	246	6,4	465	12,2
7	Bơi lội	65	1,7	17	0,4	82	2,1
8	Bóng bàn	203	5,3	134	3,5	337	8,8
9	Điền kinh	194	5,1	68	1,8	262	6,9
10	Đá cầu	113	3,0	31	0,8	144	3,8
11	Cờ	69	1,8	33	0,9	102	2,7
	Tổng	2.411	63,1	1.411	36,9	3.822	100



Biểu đồ 5. Tỷ lệ % môn thể thao SV ĐHĐN lựa chọn tham gia tập luyện TĐTT

Số liệu tại bảng 3 cho thấy môn thể thao SV ĐHĐN lựa chọn tham gia tập luyện nhiều nhất là bóng chuyền 788 SV chiếm 20,6% (440 SV nam chiếm 11,5%, 348 SV nữ chiếm 9,1%) và môn thể thao SV ĐHĐN chọn tham gia tập luyện thấp nhất là Bơi lội 82 SV chiếm 2,1% (65 SV nam chiếm 1,7%, 17 SV nữ chiếm 0,4%), bóng rổ 640 SV chiếm 16,7% (473 SV nam chiếm 12,4%, 167 SV nữ chiếm 4,4%), bóng đá 520 SV chiếm 13,6% (412 SV nam chiếm

11,8%, 108 SV nữ chiếm 2,8%), cầu lông 465 SV chiếm 12,2% (219 SV nam chiếm 5,7%, 246 SV nữ chiếm 6,4%), bóng bàn 337 SV chiếm 8,8% (203 SV nam chiếm 5,3%, 134 SV nữ chiếm 3,5%), Võ thuật 326 SV chiếm 8,5% (221 SV nam chiếm 5,8%, 105 SV nữ chiếm 2,7%), các môn còn lại chiếm tỷ lệ thấp điền kinh 6,9%, Aerobic 4,1%, đá cầu 3,8%, cờ 2,7%. Tỷ lệ % môn thể thao SV ĐHĐN lựa chọn tham gia tập luyện TĐTT được trình bày tại biểu đồ 5.

Bảng 4. Kết quả lựa chọn của SV ĐHĐN về hình thức tổ chức CLB TDTT

TT	Nội dung khảo sát		Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Hình thức tổ chức tập luyện	Có người hướng dẫn	3.124	81,7
		Không có người hướng dẫn	00	0,0
		Kết hợp cả hai	698	18,3
		Tổng số	3.822	100,0
2	Thời gian tập luyện	30 phút - 1 giờ	975	25,5
		Từ 1 - 2 giờ	2.778	72,7
		Trên 2 giờ	69	1,8
		Tổng số	3.822	100,0
3	Số buổi tập luyện	1 buổi	47	1,2
		2 buổi	1.920	50,2
		3 buổi	1.676	43,9
		Trên 3 buổi	179	4,7
		Tổng số	3.822	100,0
4	Thời điểm tập luyện	Buổi sáng	561	14,7
		Buổi trưa	00	0,0
		Buổi chiều sau giờ học	3.063	80,1
		Mọi lúc khi rảnh (buổi)	198	5,2
		Tổng số	3.822	100,0
5	Khoản kinh phí	Dưới 200.000đ	2.719	71,1
		200.000đ - 300.000đ	684	17,9
		300.000đ - 400.000đ	419	11,0
		Trên 400.000đ	00	0,0
		Tổng số	3.822	100,0

Số liệu tại bảng 4 cho thấy:

- *Hình thức tổ chức tập luyện*: SV lựa chọn có người hướng dẫn chiếm tỷ lệ cao nhất 81,7% và không có người hướng dẫn chiếm tỷ lệ thấp nhất 0,0% và kết hợp cả hai chiếm 18,3%.

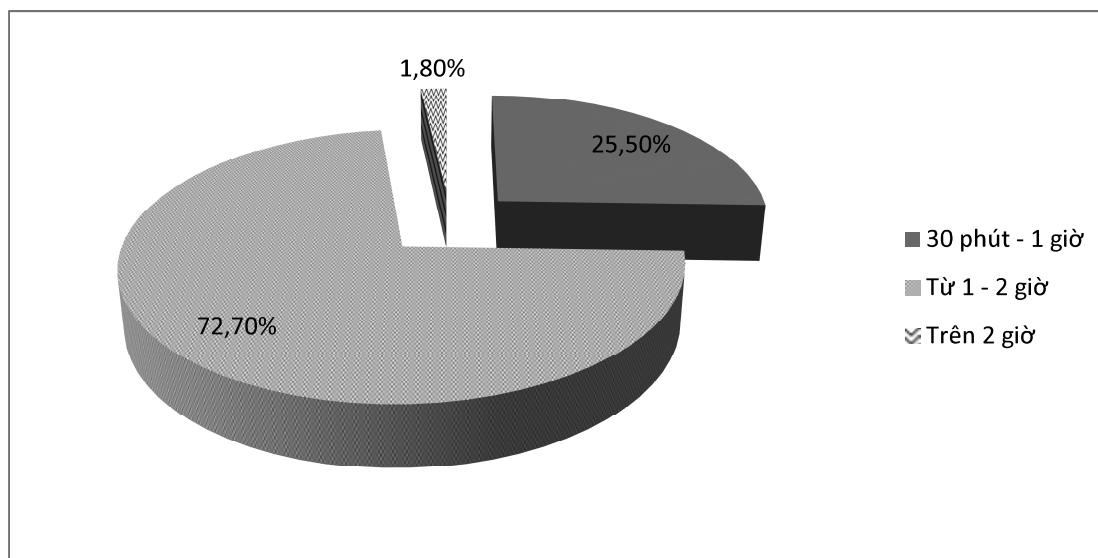
- *Thời gian tập luyện*: SV lựa chọn tỷ lệ cao nhất là tập luyện từ 1 - 2 giờ chiếm 72,7% và thấp nhất tập luyện trên 2 giờ chiếm 1,8%, 30 phút - 1 giờ chiếm 25,5%. Tỷ lệ % thời gian tập luyện TDTT của SV ĐHĐN lựa chọn được biểu diễn qua biểu đồ 6.

- *Số buổi tập luyện*: SV lựa chọn tỷ lệ cao nhất là SV tập 2 buổi 50,2% và tập thấp nhất là 1 buổi 1,2%, tập 3 buổi 43,9% và trên 3 buổi 4,7%.

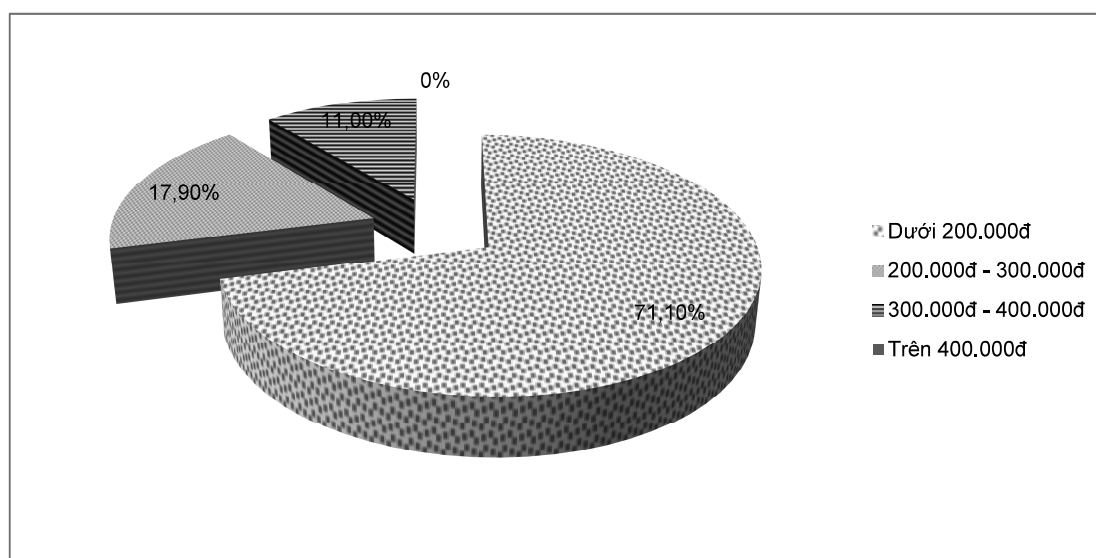
- *Thời điểm tập luyện*: SV lựa chọn tỷ lệ cao nhất là buổi chiều sau giờ học 80,1% và thấp nhất là buổi trưa 0,0%, buổi sáng 14,7% và mọi lúc khi rảnh 5,2%.

- *Khoản kinh phí*: SV lựa chọn tỷ lệ cao nhất dưới 200.000đ chiếm 71,1% và thấp nhất trên 400.000đ chiếm 0,0%; 300.000đ - 400.000đ chiếm 11,0% và 200.000đ - 300.000đ chiếm 17,9%. Tỷ lệ % khoản kinh phí SV lựa chọn tham gia tập luyện TDTT được biểu diễn qua biểu đồ 7.

Qua phân tích trên cho thấy hình thức tổ chức tập luyện TDTT của sinh viên ĐHĐN lựa chọn hầu hết là: có người hướng dẫn 81,7%; tập luyện dưới 2 giờ trên 98%; tập 2 - 3 buổi trên 94%; tập vào buổi chiều sau giờ học 80,1%; Khoản kinh phí dưới 200.000đ và miễn phí chiếm trên 70%.



Biểu đồ 6. Tỷ lệ % thời gian SV ĐHĐN lựa chọn tập luyện TDTT

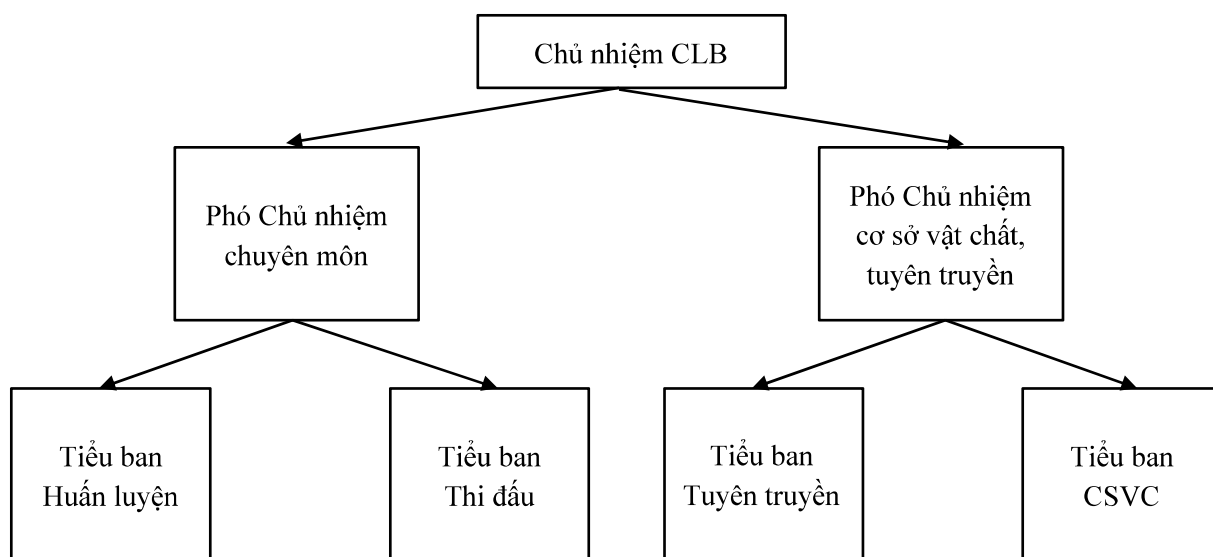


Biểu đồ 7. Tỷ lệ % khoản kinh phí SV lựa chọn tham tập luyện TDTT

2. Xây dựng mô hình quản lý câu lạc bộ TDTT trong sinh viên ở các cơ sở giáo dục đại học thành viên ĐHĐN

Mô hình tổ chức CLB TDTT trường học là loại hình CLB TDTT công lập, do ĐHĐN đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động và cử cán bộ là giảng viên trong nhà trường quản lý và hướng dẫn tập luyện TDTT, với cương vị là cán bộ kiêm nhiệm hay nghiệp dư tham gia CLB. Câu lạc bộ TDTT trường học là tổ chức hoạt động ngoại khóa cho SV, tổ chức theo nguyên

tắc tự nguyện, có huy động sự tham gia đóng góp của SV, phụ huynh và các cơ quan đoàn thể xã hội tham gia tài trợ, đóng góp. Câu lạc bộ TDTT trường học hoạt động theo quy chế hoạt động của nhà trường dưới sự chỉ đạo của ĐHĐN, trình bày ở sơ đồ Mô hình quản lý CLB TDTT trong ĐHĐN:



Sơ đồ 1. Mô hình quản lý CLB TDTT trong ĐHĐN

Cơ cấu tổ chức CLB TDTT trong Đại học Đà Nẵng như sau:

Chủ nhiệm CLB TDTT trong Đại học Đà Nẵng là Trưởng Bộ môn hoặc các Trợ lý GDTC khoa GDTC phụ trách hoạt động ngoài giờ đảm nhiệm.

Về Phó Chủ nhiệm phải ít nhất có 02 phó chủ nhiệm. Trong đó:

01 Phó chủ nhiệm Chuyên môn: Do Giảng viên thuộc các Bộ môn khoa GDTC đảm nhiệm. Có trách nhiệm phụ trách và quản lý 02 tiểu ban:

Tiểu ban Huấn luyện: Do giảng viên, huấn luyện viên, hướng dẫn viên ở các môn thể thao đã được bồi dưỡng chuyên môn đảm nhiệm.

Chức năng, nhiệm vụ của tiểu ban Huấn luyện:

- Có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động, tập luyện cho các CLB TDTT trong trường;

- Xây dựng kế hoạch huấn luyện cho SV có năng khiếu ở các môn thể thao và các VĐV đi thi đấu các giải thể thao ngoài nhà trường.

- Kiểm tra, đánh giá hiệu quả của hoạt động tại các CLB TDTT.

- Kiểm tra, đánh giá về mức độ phát triển thể chất của sinh viên.

Tiểu ban Thi đấu: Do giảng viên, huấn luyện viên, hướng dẫn viên ở các môn thể thao

đã được bồi dưỡng chuyên môn đảm nhiệm. Có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thi đấu, phương pháp tổ chức, phân công trọng tài cho các môn thể thao trong nhà trường.

01 Phó Chủ nhiệm CSVC và Tuyên truyền: Có thể do Trưởng bộ môn... phụ trách hoạt động ngoài giờ hoặc Chủ tịch Hội sinh viên phụ trách và quản lý 02 tiểu ban:

Tiểu ban tuyên truyền: Tiểu ban này do Ban Thư ký Hội sinh viên phụ trách chính kết hợp với các tổ chức Công đoàn, Hội phụ huynh, đại diện giảng viên và các lực lượng giáo dục khác như: Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ, Hội chữ thập đỏ... của Xã (Phường) nơi trường đóng.

Tiểu ban CSVC: Tiểu ban này do đồng chí trưởng bộ môn phụ trách hoạt động ngoài giờ phụ trách chính kết hợp với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội phụ huynh, đại diện giảng viên và các lực lượng giáo dục khác như: Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ, Hội chữ thập đỏ... của xã (phường) nơi trường đóng.

Chức năng, nhiệm vụ của 02 tiểu ban tuyên truyền và CSVC:

- Tuyên truyền, vận động SV GV tham gia tập luyện các môn TDTT có trong CLB.

- Quản lý hội viên (thủ tục xin gia nhập hội viên).

- Quản lý tài chính và CSVC của CLB.
- Vận động tài trợ của các cơ quan đoàn thể xã hội, cá nhân, các doanh nghiệp và phụ huynh SV.

Về cơ chế hoạt động của CLB TDTT Đại học Đà Nẵng: Các thành viên, các bộ phận trong bộ máy quản lý thường xuyên phối hợp với nhau để Mô hình CLB TDTT Đại học Đà Nẵng hoạt động có hiệu quả nhất.

Trong quá trình hoạt động của mình các thành viên phụ trách chính thường xuyên kiểm tra giám sát và đôn đốc các tiểu ban hoạt động có hiệu quả. Hàng tháng, chủ nhiệm CLB có tiến hành họp để tổng kết kế hoạch hoạt động rút kinh nghiệm và có những biện pháp khắc phục kịp thời cho các giai đoạn tiếp theo.

Dựa trên cơ sở pháp lý và thực tiễn quá trình hoạt động CLB thể thao ĐHĐN, bài viết tiến hành nghiên cứu xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động CLB TDTT ĐHĐN. Để đảm bảo có được Quy chế tổ chức và hoạt động với phương thức quản lý CLB TDTT ĐHĐN phù hợp tổ chức Khoa GDTC ĐHĐN, bài viết thực hiện phỏng vấn trên 8 chuyên gia, quản lý Khoa GDTC ĐHĐN về nội dung xây dựng Quy chế hoạt động CLB TDTT ĐHĐN nhằm đảm bảo tính hợp lý và chặt chẽ trong tổ chức hoạt động. Kết quả phỏng vấn các chuyên gia, nhà quản lý ĐHĐN được thể hiện tại bảng 5.

Bảng 5. Tổng hợp ý kiến của chuyên gia, cán bộ quản lý đối với Quy chế tổ chức hoạt động CLB TDTT ĐHĐN (n = 8)

Chương	Nội dung		Ý kiến đồng ý		Ý kiến không đồng ý	
			Số lượng	%	Số lượng	%
Chương I. Điều khoản chung	1	Tên gọi CLB TDTT ĐHĐN	8	100	00	00
	2	Là tổ chức công lập, chịu sự quản lý của Nhà nước về hoạt động TDTT của Khoa GDTC	8	100	00	00
Chương II. Chức năng nhiệm vụ	1	Mục đích	7	87,5	1	12,5
	2	Chức năng	8	100	00	00
	3	Nhiệm vụ	8	100	00	00
Chương III. Hội viên	1	Hội viên CLB	8	100	00	00
	2	Quyền lợi	8	100	00	00
	3	Nghĩa vụ	8	100	00	00
Chương IV. Nguyên tắc hoạt động và tổ chức CLB	1	Nguyên tắc tổ chức và hoạt động	7	87,5	1	12,5
	2	Ban chủ nhiệm	7	87,5	1	12,5
Chương V. Tài chính	1	Nguồn kinh phí	8	100	00	00
	2	Các khoản chi	8	100	00	00
Chương VI. Khen thưởng, kỷ luật	1	Khen thưởng	7	87,5	1	12,5
	2	Kỷ luật	7	87,5	1	12,5
Chương VII. Hiệu lực và sửa đổi	1	Hiệu lực	7	87,5	1	12,5
	2	Sửa đổi	7	87,5	1	12,5

Kết quả nghiên cứu được trình bày ở bảng 5 cho thấy: Hầu hết các chuyên gia, quản lý Khoa GDTC ĐHĐN đều nhất trí về nội dung xây

dựng Quy chế hoạt động CLB TDTT ĐHĐN từ 87,5% trở lên. Bài viết chọn tất cả các nội dung trên để xây dựng qui chế tổ chức hoạt động CLB TDTT ĐHĐN.

KẾT LUẬN

Câu lạc bộ TDTT là nhu cầu cấp thiết hiện nay đối với sinh viên góp phần phát triển năng lực, thể chất một cách toàn diện, đồng thời nâng cao thành tích thể thao của sinh viên, nhằm củng cố và hoàn thiện các bài học chính khoá và được tiến hành vào giờ tự học của sinh viên dưới sự hướng dẫn của giáo viên TDTT, hướng dẫn viên. Luyện tập trong các câu lạc bộ, tham gia các giải thi đấu trong và ngoài trường được tổ chức hàng năm thường thu hút và động viên lôi kéo nhiều người tham gia tập luyện các môn thể thao yêu thích, góp phần nâng cao sức khoẻ phục vụ học tập và sinh hoạt. Đồng thời cũng cần ban hành những quy định về tổ chức hoạt động các CLB cụ thể:

Một là, bảo đảm các nguyên tắc phù hợp với tính chất hoạt động của CLB công lập thuộc khoa GDTC, bảo đảm quy tắc chỉ đạo của cơ quan ĐHĐN, hoạt động và tổ chức theo nguyên tắc tự nguyện và tập trung dân chủ.

Hai là, CLB TDTT ĐHĐN xác định mục đích cụ thể phải xuất phát từ chức năng nhiệm vụ, nhu cầu hoạt động của người tập. Trong đó, SV là lực lượng chính của CLB thể thao để hoàn thiện mục tiêu đào tạo toàn diện, làm tăng

số người tập luyện thường xuyên, tăng số lượng CLB, đưa những SV, VĐV có thành tích tốt vào đội tuyển thể thao ĐHĐN để tham dự các giải trong và ngoài khu vực. Chủ động xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn SV và áp dụng một cách đồng bộ.

Ba là, hằng năm Khoa GDTC căn cứ vào kế hoạch hoạt động TDTT trong năm về việc thành lập các đội tuyển từng môn của ĐHĐN ra quyết định thành lập với các môn thể thao (CLB TDTT theo chuyên môn). CLB TDTT ĐHĐN phải xây dựng kế hoạch hoạt động năm; Tiến hành tổ chức sơ kết 6 tháng và tổng kết công tác hoạt động hằng năm, báo cáo các cấp quản lý để được đánh giá.

Bốn là, CLB hoạt động theo Quy chế đã được Trường Khoa GDTC phê duyệt.

Sơ đồ tổ chức quản lý hoạt động CLB TDTT ĐHĐN đã xây dựng cần tiếp tục được triển khai áp dụng một cách đồng bộ trong Khoa GDTC và các cơ sở giáo dục đại học thành viên ĐHĐN.

Đoàn Thanh niên và Hội SV các cơ sở giáo dục đại học thành viên ĐHĐN cần quan tâm nhiều hơn đến hoạt động TDTT ngoại khóa của SV trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. *Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.*
- [2]. Thủ Tướng Chính phủ (2015), *Nghị định số 11/2015/NĐ-CP, ngày 31/01/2015, về việc Quy định về giáo dục thể chất và hoạt động Thể thao trong nhà trường.*
- [3]. Đại học Đà Nẵng (2016), *Quy định về chương trình GDTC dành cho sinh viên Đại học Đà Nẵng, ban hành kèm theo quyết định số 7276/QĐ-ĐHĐN ngày 26/10/2016 của Giám đốc ĐHĐN.*
- [4]. Dương Nghiệp Chí (2004), *Đo lường thể thao*, NXB TDTT, Hà Nội.
- [5]. Vũ Cao Đàm (1995), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Viện Nghiên cứu Phát triển giáo dục, Bộ GD&ĐT, NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.
- [6]. Nguyễn Đức Thành (2013), *Xây dựng nội dung và hình thức tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa của SV một số trường đại học ở TP. Hồ Chí Minh*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học TDTT.
- [7]. Nguyễn Ngọc Minh (2017), *“Nghiên cứu loại hình câu lạc bộ TDTT hoạt động có hiệu quả phù hợp với tổ chức Trung tâm Giáo dục Thể chất và Thể thao của Đại học Quốc gia Hà Nội”*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học TDTT.

Bài nộp ngày 15/02/2020, phản biện ngày 29/02/2020, duyệt in ngày 10/3/2020